

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CON CUÔNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HS-ST
Ngày 27 - 4 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CON CUÔNG, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Lợi.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Anh, Bà La Thị Huyền:

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

La Văn Q, sinh ngày 01 tháng 5 năm 1975 tại huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: bản Kẻ S, xã Mậu Đ, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: thái; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông La Văn C và bà Lô Thị N (đều đã chết); Vợ: Lang Thị L, sinh năm 1977 và 03 người con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Bản Liên S, xã Lục D, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Chị Lương Thị L - sinh năm 1977. Có mặt.

Địa chỉ: Bản Kẻ S, xã Mậu Đ, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

2. Chị Thái Thị H - sinh năm 1976. Vắng mặt.

Địa chỉ: Bản Liên S, xã Lục D, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 30/7/2020 đến 25/8/2020, chị Trần Thị Đ, sinh năm 1975, trú tại bản Liên S, xã Lục D, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An đến gặp La Văn Q để vay tiền. Q tự mình đưa ra mức lãi suất và yêu cầu chị Đ viết hợp đồng vay tiền. Cụ thể như sau:

Lần như nhất: Vào ngày 30/7/2020, chị Đ gọi điện vay của Q số tiền 250.000.000 đồng, Q đồng ý. Chị Đ đưa cho Q 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE817064 mang tên Lô Văn M và Lương Thị L, trú tại thôn Trung H, xã Yên K, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An để tín chấp. Q yêu cầu chị Đ viết giấy vay tiền ghi thời hạn trả tiền gốc là 25 ngày, lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 5.000 đồng/01 triệu/ngày. Ngày 22/8/2020, chị Đ hẹn gặp và đưa trả cho Q số tiền 30.000.0000 đồng tiền lãi, số tiền lãi còn lại là 1.250.000 đồng chị Đ xin khất nợ. Đến ngày 24/8/2020, chị Đ vào nhà Q, trả cho Q 250.000.000 đồng tiền gốc. Còn số tiền lãi 1.250.000 đồng chị Đ vẫn chưa trả.

Lần thứ hai: Khoảng 12 giờ ngày 25/8/2020, chị Đ và Q hẹn gặp nhau tại Ngã tư Mường Thanh thuộc khối 2 thị trấn Con Cuông, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An giao dịch vay tiền. Q cho chị Đ vay số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 5000 đồng/01 triệu/ngày. Q yêu cầu chị Đ viết giấy vay tiền (mẫu giấy do Q chuẩn bị sẵn). Chị Đ viết vào phần bên người cho vay là 10 ngày lấy tiền lãi một lần, thời hạn thanh toán tiền gốc là 30 ngày rồi ký xác nhận. Đến khoảng 20 giờ ngày 04/9/2020, chị Đ gặp Q tại công bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nam tỉnh Nghệ An và trả cho Q số tiền 5.000.000 đồng là tiền lãi cho 10 ngày vay. Sau đó, khi đã quá thời hạn trả tiền gốc, Q nhiều lần gọi điện thoại cho chị Đ để yêu cầu chị Đ trả tiền gốc và lãi nhưng chị Đ chưa có tiền nên xin khất. Đến ngày 25/11/2020, Chị Đ gặp Q tại công bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nam tỉnh Nghệ An và trả cho Q 20.000.000 đồng là tiền lãi cho 40 ngày vay khoản tiền này. Khoảng 8 giờ ngày 30/12/2020, Q cùng với vợ là chị Lương Thị L điều khiển xe ô tô Huynhdai Accent từ nhà ở bản Kê S, xã Mậu Đ, huyện Con Cuông đến phòng trọ của chị Đ ở khối 9 thị trấn Con Cuông, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An để lấy tiền lãi. Lúc đó, tại phòng trọ của chị Đ có chị Thái Thị H, sinh năm 1976, trú tại bản Liên S, xã Lục D, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An, chị Đ đã trả cho Q số tiền 20.000.000 đồng tiền lãi suất của 40 ngày vay. Khi Q đang nhận tiền thì bị lực lượng công an huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An kiểm tra và thu giữ số tiền 20.000.000 đồng; 01 điện thoại di động Oppo A5, số IMEI1: 865222048111557; số IMEI2: 865222048111540, màu đỏ gắn số thuê bao 0818833376; 01(một) điện thoại di động Mastel, số IMEI1: 355636045840487, số IMEI2: 355636046140481 gắn số thuê bao 0349892334; 01 xe ô tô nhãn hiệu

HUYNHDAI ACCENT 1.4 MT, màu đỏ, Biển kiểm soát 37A-751.69 của Q. Quá trình khám xét xe ô tô thu giữ 16.000.000 đồng, 01 giấy vay tiền của giữa Q và chị Đ, 01 giấy vay tiền giữa Q và anh Vi Văn Quán.

Ngoài ra, cơ quan điều tra còn thu giữ của Q 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lô Văn M và Lương Thị L; 01 mẫu giấy vay tiền.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 thì: “Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay”.

Như vậy, lãi suất tiền vay tối đa chị Đ phải trả cho Q theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật hình sự được tính như sau:

- Đối với số tiền 250.000.000 đồng chị Đ vay của Q trong thời gian 25 ngày: lãi suất tối đa theo quy định là $250.000.000 \times 20\%/năm = 50.000.000$ đồng (25 ngày = $(50.000.000 : 365) \times 25 = 3.424.650$ đồng). Nhưng Q đã thu tiền lãi của chị Đ là 30.000.000 đồng, tương ứng với lãi suất là 182.5%/năm. Như vậy, số tiền lãi Q thu lợi bất chính là: $30.000.000 - 3.424.650 = 26.575.350$ đồng.

- Đối với số tiền 100.000.000 đồng Q cho chị Đ vay từ 25/8/2020 đến 30/12/2020 (trong 127 ngày): lãi suất tối đa theo quy định là $100.000.000 \times 20\%/năm = 20.000.000$ đồng. Số tiền lãi 127 ngày là $(20.000.000 : 365) \times 127 = 6.958.838$ đồng. Nhưng Q đã thu tiền lãi của chị Đ là 45.000.000 đồng, tương ứng với lãi suất 182.5%/năm. Như vậy, số tiền lãi Q thu lợi bất chính là: $45.000.000 - 6.958.838 = 38.041.162$ đồng.

Tổng số tiền Q đã thu lợi bất chính từ việc cho chị Đ vay tiền là: $26.575.350 + 38.041.162 = 64.616.512$ đồng.

Vật chứng vụ án:

01 giấy vay tiền của giữa Q và chị Đ; 01 mẫu giấy vay tiền, hiện đang được lưu tại hồ sơ vụ án.

01 điện thoại di động Mastel, số IMEI1: 355636045840487, số IMEI2: 355636046140481 gắn số thuê bao 0349892334. Hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng công an huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

Số tiền 36.000.000 đồng hiện đang được gửi giữ tại Kho bạc Nhà nước huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

Ngoài ra cơ quan điều tra công an huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An còn thu giữ 01 điện thoại di động Oppo A5, số IMEI1: 865222048111557; số IMEI2: 865222048111540, màu đỏ gắn số thuê bao 0818833376; 01 xe ô tô nhãn hiệu HUYNHDAI ACCENT 1.4 MT, màu đỏ, Biển kiểm soát 37A-751.69; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lô Văn Mùa và Lương Thị Lắm.

Về phần dân sự: Chị Trần Thị Đ yêu cầu La Văn Q phải trả lại cho chị số tiền lãi vượt quá so với quy định của pháp luật mà chị Đ đã trả cho Q.

Cáo trạng số: 23/CT - VKS - HS ngày 24/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông truy tố bị cáo La Văn Q về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Bản thân bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự 2015; Xử phạt: Bị cáo La Văn Q từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ và được trừ thời gian đã tạm giữ. Về biện pháp tư pháp: áp dụng điều 47 của bộ luật hình sự, điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền gốc La Văn Q cho vay là 350.000.000 đồng đã dùng để cho vay (trong đó buộc bị cáo Q nộp lại số tiền 250.000.000 đồng và buộc chị Trần Thị Đ phải nộp lại là 100.000.000 đồng) buộc La Văn Q phải nộp lại số tiền 10.382.838 đồng là số tiền lãi 20% mà bị cáo đã thu của chị Trần Thị Đ. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng điều 48 của Bộ luật hình sự; điều 468, 584, 585 và điều 586 của Bộ luật dân sự buộc La Văn Q trả lại cho chị Trần Thị Đ số tiền 64.616.512 đồng là số tiền lãi vượt quá lãi suất quy định của Bộ luật dân sự (trong đó thu của La Văn Q 44.616.512 đồng và 20.000.000 đồng Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An thu giữ). Về vật chứng: tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Mastel, số IMEI1: 355636045840487, số IMEI2: 355636046140481 gắn số thuê bao 0349892334, Trả lại cho bị cáo La Văn Q số tiền 16.000.000 đồng, trả lại cho chị Trần Thị Đ số tiền 20.000.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án, tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án 01 giấy vay tiền giữa La Văn Q và chị Trần Thị Đ, 01 mẫu giấy vay tiền. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

- Trong quá trình điều tra: Cơ quan điều tra, Điều tra viên được phân công điều tra đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng về việc kiểm tra, xác

minh, thu thập chứng cứ, lập hồ sơ giải quyết nguồn tin về tội phạm; lập hồ sơ vụ án; hỏi cung bị can; xử lý vật chứng; giao nhận các văn bản tố tụng đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện nghiêm túc hoạt động kiểm sát điều tra; giao nhận các văn bản tố tụng đúng thời hạn theo quy định của pháp luật; tham gia phiên tòa đúng thời gian, địa điểm; công bố bản cáo trạng; tham gia xét hỏi, luận tội, tranh luận và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án đồng thời thực hiện việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án cũng như người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử.

- Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Do các hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên và Viện kiểm sát, kiểm sát viên đều tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên được sử dụng làm chứng cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo La Văn Q đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ, biên bản bắt người phạm tội quả tang và các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở để kết luận: Từ ngày 30/7/2020 đến ngày 25/8/2020, La Văn Q đã có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với chị Trần Thị Đ với tổng số tiền cho vay là 350.000.000 đồng và thu lợi bất chính tổng số tiền là 64.616.512 đồng. Hành vi cho vay thu tiền lãi suất vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự của bị cáo đã thực hiện vi phạm khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và tuổi chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Như vậy hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết tội bị cáo La Văn Q phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất vụ án: Vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, quyền và lợi ích của công dân mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến các giao dịch dân sự, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Hành vi cho vay thu lãi suất vượt quá quy định pháp luật của bị cáo cần phải được xử lý bằng biện pháp hình sự để có tác dụng giáo dục riêng, phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; được người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Đ có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đó là tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên cần giảm nhẹ một phần hình phạt để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật đối với người phạm tội nên xử phạt bị cáo bằng hình phạt cải tạo không giam giữ là cũng đủ để răn đe giáo dục bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật hình sự ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là hình phạt tiền nhưng xét thấy bị cáo làm nghề lao động tự do, thu nhập không ổn định, hoàn cảnh gia đình thuộc diện khó khăn, tài sản không có nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền, đồng thời miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[4] Về dân sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Đ yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật, xét yêu cầu của chị Đ là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận buộc bị cáo phải hoàn trả lại cho chị Đ số tiền thu lợi bất chính là 64.616.512 đồng (sáu mươi tư triệu sáu trăm mười sáu ngàn năm năm mươi hai đồng).

[5] Về vật chứng: cơ quan cơ quan điều tra công an huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An còn thu giữ 01 điện thoại di động Oppo A5, số IMEI1: 865222048111557; số IMEI2: 865222048111540, màu đỏ gắn số thuê bao 0818833376; 01(một) xe ô tô nhãn hiệu HUYNHDAI ACCENT 1.4 MT, màu đỏ, Biển kiểm soát 37A-751.69; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lô Văn Mùa và Lương Thị Lắm. Trong quá trình điều tra xác định được các tài sản, và giấy tờ này không liên quan đến vụ án nên cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng pháp luật.

- 01 giấy vay tiền của giữa Q và chị Đ; 01 mẫu giấy vay tiền đây là vật chứng vụ án nên cần tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án.

- 01 điện thoại di động Mastel, số IMEI1: 355636045840487, số IMEI2: 355636046140481 gắn số thuê bao 0349892334 là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước.

- Số tiền 16.000.000 đồng thu tại bị cáo, xét thấy đây là số tiền của bị cáo không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Số tiền 20.000.000 đồng tiền lãi của chị Đ hiện đang được bảo quản tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện Con Cuông, xét thấy đây là số tiền lãi vượt quá lãi suất theo quy định nên trả lại cho chị Đ nhưng cần tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Đối với số tiền 100.000.000 đồng là tiền nợ gốc chị Đ vay của bị cáo chưa trả. Xét thấy đây là phương tiện phạm tội nên cần truy thu sung quy nhà nước.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; Điều 36; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo La Văn Q phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo La Văn Q 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ nhưng được trừ 27 ngày (do tạm giữ từ ngày 30/12/2020 đến 08/01/2021 là 9 ngày x 3 = 27 ngày cải tạo không giam giữ). Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo La Văn Q cho chính quyền địa phương UBND xã Mậu Đ, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Giải quyết việc vắng mặt nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú của người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 468 của Bộ luật dân sự buộc bị cáo La Văn Q có trách nhiệm trả lại cho chị Trần Thị Đ số tiền 64.616.512 đồng (sáu mươi tư triệu sáu trăm mười sáu nghìn năm trăm mười hai đồng) là số tiền lãi vượt quá lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự (trong đó có 20.000.000 đồng hiện đang được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Con Cuông), số tiền còn lại La Văn Q phải thi hành là 44.616.512 đồng (bốn mươi bốn triệu sáu trăm mười sáu nghìn năm trăm mười hai đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; điểm b, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01(một) điện thoại di động Mastel, số IMEI1: 355636045840487, số IMEI2: 355636046140481 gắn số thuê bao 0349892334. Máy đã qua sử dụng.

Đặc điểm vật chứng nêu trên theo biên bản giao nhận vật chứng số 29 ngày 26/3/2021 giữa Công an huyện Con Cuông và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Con Cuông.

Tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án 01 (một) giấy vay tiền của giữa Q và chị Trần Thị Đ; 01(một) mẫu giấy vay tiền.

Buộc bị cáo La Văn Q nộp các khoản tiền để tịch thu, sung quỹ Nhà nước gồm:

Tiền gốc cho vay là phương tiện phạm tội 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Tiền lãi hợp pháp thu được do hoạt động phát sinh từ tội phạm là 10.382.838 đồng (mười triệu ba trăm tám mươi hai nghìn tám trăm ba mươi tám đồng).

Tổng cộng: 260.382.838 đồng (hai trăm sáu mươi triệu ba trăm tám mươi hai nghìn tám trăm ba mươi tám đồng).

- Trả lại cho bị cáo La Văn Q số tiền 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng); trả lại cho chị Trần Thị Đ số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) theo biên lai thu tiền 0009085 ngày 26/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Con Cuông nhưng cần tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) tại chị Trần Thị Đ.

- Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo La Văn Q phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự: thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Hồng Lợi

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh NA;
- VKSND huyện Con Cuông;
- CA huyện Con Cuông;
- Chi cục THADS huyện Con Cuông;
- Bị cáo; người liên quan;
- Lưu hồ sơ -VP.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Hồng Lợi

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Hồng Lợi